

Bản án số: 148/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-10-2019

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chính
2. Ông Nguyễn Kim Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên (vắng mặt)

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. N đơn: Bà Lê Hồng Đ, sinh năm 1977 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã TB, Huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.
2. Bị đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1981 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trình bày của bà Lê Hồng Đ:**

Về hôn nhân: Bà Đ và ông H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống,

xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về công việc làm ăn, tiền bạc, bà Đ và ông H đã ly thân cách nay khoảng 04 tháng. Bà Đ xét thấy bà và ông H không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông H.

- Con chung: Có 02 người con chung tên Hồ Lê Thảo N, sinh ngày 27/4/ 2008 (giới tính nữ) và Hồ Lê N P, sinh ngày 13/02/2012 (giới tính nam), hiện do bà Đ đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà Đ và ông H tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

*** Trình bày của ông Hồ Văn H:**

Ông H thống nhất với lời trình bày của bà Đ về các mối quan hệ như hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Tại phiên tòa hôm nay, ông có ý kiến sau:

Về hôn nhân: Ông H thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà Đ.

Về con chung: Ông H thống nhất để cho bà Đ tiếp tục nuôi dạy con chung là Hồ Lê Thảo N, sinh ngày 27/4/ 2008 (giới tính nữ) và Hồ Lê N P, sinh ngày 13/02/2012 (giới tính nam), ông H không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Ông H và bà Đ tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Hồng Đ khởi kiện yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với bị đơn là ông Hồ Văn H. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Ông H có nơi cư trú tại ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà Lê Hồng Đ và ông Hồ Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét

thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông H chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống bà Đ và ông H có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Lê Hồng Đ và ông Hồ Văn H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung tên Hồ Lê Thảo N, sinh ngày 27/4/2008 (giới tính nữ) và Hồ Lê N P, sinh ngày 13/02/2012 (giới tính nam). Xét thấy, cháu N và cháu NP đều đã trên 07 tuổi, từ trước đến nay các cháu sống chung với bà Đ, các cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ, ông H thống nhất để cho bà Đ tiếp tục nuôi dạy các con chung nên cần chấp nhận cho bà Đ tiếp tục nuôi dạy các con chung là phù hợp. Bà Đ không đặt ra yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Bà Đ và ông H tự thỏa thuận với nhau, không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xem xét là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Bà Đ và ông H xác định trong quá trình chung sống ông bà không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 01/10/2019 xác nhận trong thời gian chung sống không có ai yêu cầu về nợ tại địa phương đối với bà Đ và ông H. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đ phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Hồng Đ.

1.1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Hồng Đ và ông Hồ Văn H là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Giao cháu Hồ Lê Thảo N, sinh ngày 27/4/2008 (giới tính nữ) và Hồ Lê N P, sinh ngày 13/02/2012 (giới tính nam) cho bà Đ tiếp tục nuôi dạy, bà Đ không yêu cầu ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Hồng Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 27 tháng 8 năm 2019 bà Đ có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0010657 tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ và chuyển thu án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Hện Thới Bình;
- Chi cục THADS Hện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh